TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNHTRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 12-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNHTRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đầy

Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnhTrà Vinh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnhTrà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Tú- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh Kh, sinh năm 1986, tại huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp ĐB, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh S, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1949; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 04 tiền án, gồm 01 tiền án về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, lần gần nhất tại bản án số 03/2016/HSPT ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương ngày 02/02/2021; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021, đến ngày 02/6/2021 bị khởi tố và chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/02/1996, tại huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú ấp ĐPC, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ từ ngày 30/5/2021, đến ngày 02/6/2021 bị khởi tố và chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L*: Bà Trần Thị H là Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1957. Địa chỉ ấp Dầu Đôi, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ lên quan đến vụ án*

Ông Diệp Tấn Ph, sinh năm 1997. Địa chỉ khóm 3, thị trấn CQ, huyện T C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

- *Người làm chứng*

Ông Trương Văn Kh, sinh năm 1963. Địa chỉ ấp CPh, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

Bà Lâm Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ khóm 3, thị trấn CQ, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ ấp ĐPC, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1949. Địa chỉ ấp ĐB, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Ông Trần Minh H, sinh năm 1987. Địa chỉ ấp TThT, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982. Địa chỉ ấp ĐB, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1987. Địa chỉ ấp TThT, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 58/CT-VKS-HS, ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Minh Kh về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi các bị cáo bị truy tố như sau:

Tối ngày 25/5/2021, tại thị trấn CQ, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kh rủ bị cáo Nguyễn Văn L đi tìm tài sản của người khác để cướp giật, tài sản chủ yếu là dây chuyền vàng của người đi đường để bán lấy tiền chia nhau sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo L đồng ý. Đến khoảng 08 giờ, ngày 26/5/2021, bị cáo Kh lấy xe mô tô biển số 84H1- 474.42 (xe do ông Trương Văn Kh giao bị cáo Kh quản lý) và chuẩn bị 01 biển số xe mô tô giả mang số: 54K3-7163, một túi ni lông màu đen để đựng biển số xe giả, 01 ống điếu mở bulong, 01 khẩu trang y tế màu xanh, 01 ná thun (nạn thun), 03 viên đá, mặc áo khoát màu đen dài tay, bị cáo Kh tháo biển số xe nêu trên ra và gắn biển số giả vào. Sau đó bị cáo Kh chở bị cáo L đến uống nước tại quán Vườn Dừa thuộc thị trấn CQ và phân công bị cáo L điều khiển xe, còn Kh ngồi sau chỉ đường, quan sát tìm tài sản để giật.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, trên đoạn đường Hương lộ 27 thuộc ấp D Đ, xã AQH, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kh thấy bà Nguyễn Thị Hồng S đang đi xe đạp ngược chiều một mình, có đeo dây chuyền vàng trên cổ nên Kh kêu bị cáo L quay xe lại, bám sát bà S. Khi đến gần bà S, bị cáo L điều khiển xe vượt lên phía bên trái của bà S, khi hai xe ngang nhau và cách bà S khoảng 0,5m bị cáo Kh dùng tay giật mạnh sợi dây chuyền trên cổ của bà S rồi kêu bị cáo L nhanh chóng điều khiển xe chạy về hướng Tỉnh lộ 915 để về huyện T C. Do biết trước đoạn đường về huyện TC có nhiều điểm gắn camera để giám sát về an ninh trật tự nên bị cáo Kh hướng dẫn bị cáo L chạy xe vào đường đanl nông thôn. Sau khi đi hết đoạn đường đanl thì đến đoạn đường đất dọc kênh nội đồng thuộc ấp TThT, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Do trời vừa mưa, đường đất khó đi nên bị cáo L không thể điều khiển xe chạy tiếp. Thấy vậy, bị cáo L và bị cáo Kh bỏ lại xe mô tô và các đồ vật khác rồi cùng nhau chạy bộ lẫn trốn. Trên đường lẫn trốn, bị cáo Kh không để ý nên không biết sợi dây chuyền nêu trên bị gãy phần móc và rơi mất phần đá cẩm thạch của mặt dây chuyền do hành động giật lấy từ cổ của bà S gây ra. Bị cáo Kh để sợi dây chuyền nêu trên vào trong khẩu trang y tế mà bị cáo đang sử dụng, gói lại, giấu dưới ruộng lúa rồi lẫn trốn ở bụi cây gần đó. Đến chiều tối cùng ngày thì đến nhà ông Trần Ngọc H, sinh năm 1983, nơi cư trú ấp TThT, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh xin ngủ lại. Đến chiều ngày 27/5/2021 thì đến nhà ông Nguyễn Xuân T (tên gọi khác là T) sinh năm 1982, nơi cư trú ấp ĐB xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh xin ngủ lại. Bị cáo Nguyễn Văn L thì bỏ địa phương đi thành phố Hồ Chí Minh trốn.

Riêng bà Nguyễn Thị Hồng S, sau khi bị giật mất tài sản đã trình báo với Cơ quan điều tra yêu cầu làm rõ. Trong thời gian đang điều tra, vào các ngày 27/5/2021 và ngày 30/5/2021, lần lượt bị cáo Trần Minh Kh, bị cáo Nguyễn Văn L ra đầu thú với Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Căn cứ Biên bản về việc kiểm tra kim loại, xác định khối lượng kim loại được lập ngày 28/05/2021 tại ấp Ch xã LHp, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh xác định: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dạng dẹt, khoen lật, kích thước 47cm x 03mm, bị gãy móc, đã qua sử dụng là vàng, loại 18K, khối lượng 01 chỉ, 01 phân, 8,3 ly; 01 khoen mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, đã qua sử dụng là vàng, loại 18K, khối lượng 05 phân, 3,4 ly.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 17 ngày 30/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TrC, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng dẹt, khoen lật, kích thước 47cm x 03mm, bị gãy móc gài, khối lượng 01 chỉ, 01 phân, 8,3 ly, đã qua sử dụng có giá 4.140.500 (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng; 01 (một) khoen mặt dây chuyền vàng, loại 18K, khối lượng 05 phân, 3,4 ly, đã qua sử dụng có giá 1.869.000 (Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng; 01 (một) mặt dây chuyền đá cẩm thạch, màu xanh, đã qua sử dụng có giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng. Tổng tài sản bị thiệt hại trị giá: 6.059.500 (Sáu triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Ngày 27/6/2021, bị cáo Trần Minh Kh giao nộp cho Cơ quan điều tra gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 155 phân khối, màu đen, gắn biển số 54K3-7163; 01 nạn thun; 03 viên đá; 02 áo khoát màu đen; 01 đôi dép màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 khẩu trang y tế; 01 biển số xe 84H1-474.42; 01 túi ni long màu đen; 01 ống điếu mở

bulong; 01 sợi dây chuyền đã bị đứt mất mặt cẩm thạch; riêng đối với mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch màu xanh thì cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đến ngày 21/06/2021, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho bà Nguyễn Thị Hồng S: 01 (Một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng dẹt, khoen lật, kích thước 47cm x 03mm, bị gãy móc gài, khối lượng 01 chỉ, 01 phân, 8,3 ly, đã qua sử dụng; 01 (Một) khoen mặt dây chuyền vàng, loại 18K, khối lượng 05 phân, 3,4 ly, đã qua sử dụng. Trao trả cho ông Diệp Tấn Phát: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 155 phân khối, màu đen và biển số 84H1- 474.42.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh Kh, bị cáo Nguyễn Văn L trình bày nội dung sự việc bàn bạc nhau đi Cướp giật tài sản đúng như cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá về vai trò, vị trí của từng bị cáo; nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Minh Kh và bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp giật tài sản". Về pháp luật áp dụng và hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh Kh từ 08 năm đến 09 năm tù. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 nạn thun; 03 viên đá; 02 áo khoát màu đen; 01 đôi dép màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 khẩu trang y tế; 01 biển số xe giả mang số 54K3-7163; 01 túi ni long màu đen; 01 ống điếu mở bulong.

- *Bị cáo Trần Minh Kh tự bào chữa:* Sau khi gây án, bị cáo thấy mình có lỗi với ông Khởi nên bị cáo đã đi đầu thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L phát biểu:*Thống nhất với cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo L phạm tội với vai trò do bị rủ rê từ bị cáo Kh nên chỉ giúp sức cho bị cáo Kh. Xuất phát từ việc bị cáo L học vấn thấp (lớp 5), thiếu am hiểu pháp luật, bị cáo đã đầu thú sau khi vụ án xảy ra, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải giúp Cơ quan điều tra kết thúc sớm vụ án. Tài sản bị thiệt hại trong vụ án không lớn và đã thu hồi kịp thời trả cho bị hại. Do đó, đề nghị áp dụng điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để áp dụng khung hình phạt liền kề cho bị cáo L.

Bị cáo Nguyễn Văn L thống nhất mà không có ý kiến bổ sung.

- *Kiểm sát viên đối đáp với bị cáo Trần Minh Kh*: Đối với tình tiết giảm nhẹ đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với bị cáo Kh trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo.

- *Kiểm sát viên đối đáp với người bào chữa:* Người bào chữa cho bị cáo L đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình (phạm tội gây thiệt hại không lớn) là không hợp lý, bởi vì: tài sản các bị cáo chiếm đoạt tuy không lớn đối với một số người nhưng đối với bị hại là phụ nữ tuổi cao, thu nhập không lớn ở địa phương nên đối với bị hại đó là tài sản lớn. Vì vậy, không có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo L.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L phát biểu đối đáp:* Hiện nay pháp luật không có quy định thiệt hại tài sản bao nhiêu là thiệt hại lớn, đại diện Viện kiểm sát đánh giá thiệt hại lớn là căn cứ vào độ tuổi và thu nhập của bị hại thì cũng chưa chuẩn sát, mang tính chủ quan. Trong cáo trạng của Viện kiểm sát đã có ghi nhận thiệt hại tài sản không lớn.

- Bị cáo Trần Minh Kh nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo thấy có lỗi với ông Khởi mới đi đầu thú để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

- Bị cáo Nguyễn Văn L nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Minh Kh và Nguyễn Văn L tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian diễn ra vụ án và sự có mặt của các bị cáo tại hiện trường, phù hợp với các biên bản lấy lời khai, các biên bản hỏi cung bị can đối với các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các biên bản lấy lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị Hồng S, người có quyền lợi, nghĩa vụ lên quan đến vụ án ông Diệp Tấn Ph, những người làm chứng như ông Trương Văn Kh, bà Lâm Thị H, ông Nguyễn Hoàng Đ, ôngTrần Minh H, ông Nguyễn Xuân T và ông Trần Ngọc H. Lời khai của bị cáo Trần Minh Kh và Nguyễn Văn L còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, đặc điểm xe mô tô biển số 84H1- 474.42 là phương tiện các bị cáo sử dụng làm phương tiện khi gây án, phù hợp với vật chứng là sợi dây chuyền vàng đã thu giữ tại nơi bị cáo Kh cất giấu và đã thu giữ giao trả cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh Kh và Nguyễn Văn L trình bày lời khai thừa nhận tội của các bị cáo trong quá trình đầu thú, giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa là do các bị cáo tự khai ra mà không bị ai ép buộc, việc thực hiện hành vi phạm tội chỉ có hai bị cáo mà không có đồng phạm khác, các bị cáo giữ nguyên lời khai mà không có thay đổi gì. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 26/5/2021 bị cáo Trần Minh Kh và bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi lợi dụng lúc trên đường Hương lộ 27 thuộc ấp DĐ, xã AQH, huyện TrC vắng người tham gia giao thông, lợi dụng sự sơ hở của bị hại bà Nguyễn Thị Hồng S rồi nhanh chóng tiếp cận, bị cáo Kh dùng tay phải giật sợi dây chuyền bằng kim loại vàng có giá trị 6.059.500 đồng trên cổ bị hại S, rồi bị cáo L điều khiển xe mô tô nhanh chóng tẩu thoát. Xét thấy hành vi của bị cáo Kh và bị cáo L đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích về tình tiết định khung tăng nặng "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc bị cáo Trần Minh Kh và Nguyễn Văn L sử dụng xe mô tô có phân khối lớn để cướp giật tài sản của bị hại khi bị hại đang đi xe đạp tham gia giao thông là sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của bị hại, gây nguy hiểm cho chính các bị cáo và người tham gia giao thông nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[3] Bị cáo Trần Minh Kh là người đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích, gồm 01 tiền án về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Trong đó theo Bản án số 03/2016/HSPT, ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã kết án bị cáo Kh 08 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", tại bản án này bị cáo Kh đã bị áp dụng tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" và bị cáo Kh phạm tội thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng. Đến ngày 26/5/2021 bị cáo Kh tiếp tục dùng thủ đoạn nguy hiểm cướp giật tài sản của bị hại S nên hành vi của bị cáo Kh lần này ngoài chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) bị cáo Kh còn phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với lần phạm tội trước.

[4] Tội phạm mà các bị cáo Trần Minh Kh và Nguyễn Văn L thực hiện là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sở hữu tài sản và tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, gây ra tâm lý bất an cho người tham gia giao thông đường bộ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, có chứng cứ xác định bị cáo Kh là người đã khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo L thực hiện cướp giật tài sản và bị cáo L đã thống nhất ý chí với bị cáo Kh ngay từ đầu nên trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm đều là người thực hành theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự chứ bị cáo L không phạm tội với vai trò giúp sức như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa. Đối với bị cáo Kh là người có vai trò chính trong vụ án, thể hiện bị cáo Kh đã chuẩn bị nạn thun để chống trả, chuẩn bị biển số xe giả để qua mặt cơ quan chức năng, trên đường tẩu thoát bị cáo đã kêu bị cáo L đi đường đanl nông thôn để tránh camera an ninh, điều này thể hiện bị cáo Kh đã có tính toán từ trước. Xét thấy, bị cáo Kh, đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích, trong đó lần bị kết án gần nhất đã thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, sau khi chấp hành án xong bị cáo đã có việc làm, thu nhập đủ nuôi sống bản thân, nhưng bị cáo Kh vẫn xem thường sự nghiêm minh của pháp luật, không biết sửa chữa sai lầm mà tiếp tục phạm tội với vai trò người khởi xướng, rủ rê đều này cho thấy mức hình phạt tại các bản án trước chưa đủ răn đe, giáo dục để bị cáo từ bỏ ý định thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý bị cáo một cách nghiêm

khắc. Đối với bị cáo L, nếu bị cáo L không đồng ý đi cướp giật thì bị cáo Kh một mình không thể thực hiện được hành vi phạm tội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, sau khi bị phát hiện về hành vi cướp giật tài sản các bị cáo lần lượt đến cơ quan Công an đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt dù, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa có khác nhau về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, thiệt hại trong vụ án này không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm và tình tiết định khung. Tài sản bị thiệt hại có giá trị 6.059.500 đồng là thấp hơn nhiều lần so với mức thiệt hại 50.000.000 đồng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa là áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L và bị cáo Kh, nhưng việc người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L là không được chấp nhận, bởi vì việc các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản đã gây bức xúc trong dư luận, cần phải xử lý nghiêm khắc. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, để cho các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật mà cải tạo, sửa chữa sai lầm của mình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hồng S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Diệp Tấn Ph đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 nạn thun; 03 viên đá; 02 áo khoát màu đen; 01 đôi dép màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 khẩu trang y tế; 01 biển số xe 54K3-7163; 01 túi ni long màu đen; 01 ống điếu mở bulong là vật chứng vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[9] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh Kh phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Minh Kh 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2021.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2021.

Về bồi thường thiệt hại: Không có.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 nạn thun; 03 viên đá; 02 áo khoát màu đen; 01 đôi dép màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 khẩu trang y tế; 01 biển số xe 54K3-7163; 01 túi ni long màu đen; 01 ống điếu mở bulong.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 55-VKS-HS, ngày 22/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Minh Kh và bị cáo Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Thị Hồng S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Tấn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Trà Cú;
- TAND tỉnhTrà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnhTrà Vinh
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Truyền